

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HS-ST

Ngày 25-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng Vân

Ông Tổng Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 10/2024/HSST-TB ngày 13 tháng 3 năm 2024; đối với các bị cáo:

1. Tàng Văn S, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1990 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tàng Văn D và bà Lương Thị H; có vợ là Triệu A M và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16-9-2023 đến nay; có mặt.

2. Tàng Văn K, sinh ngày 21 tháng 9 năm 1994 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tàng Văn Đ (đã chết) và bà Nông Thị H; có vợ là Vi Thị P (đã ly hôn tháng 3-2023) và có 01 con sinh năm 2020; tiền án: Không có; tiền sự: Ngày 23-6-2021 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã với thời hạn 03 tháng; ngày 23-9-2021 bị cáo được cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong Biện pháp

giáo dục tại xã; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16-9-2023 đến nay; có mặt.

3. Dương Văn M, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1992 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 06/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn V và bà Triệu Thị K; có vợ là Linh Thị X và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16-9-2023 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Tàng Văn K:* Bà Hoàng Thị H, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn M:* Ông Mai Xuân T, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Triệu A M, sinh năm 1994; trú tại: Thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Nông Thị H, sinh năm 1974; trú tại: Thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Chị Linh Thị X, sinh năm 1994; trú tại: Thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Anh Linh Văn T, sinh ngày 15-8-2007; trú tại: Thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt. Người đại diện theo pháp luật của anh Linh Văn T: Ông Linh Văn S và bà Vy Thị C (bố mẹ của anh Linh Văn T); cùng trú tại: Thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 16-9-2023, tại địa phận thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; lực lượng chức năng đã phát hiện bắt quả tang Tàng Văn S, Tàng Văn K điều khiển 02 xe mô tô, mỗi xe chở 01 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép; cùng đi còn có Dương Văn M.

Quá trình điều tra xác định được:

Tàng Văn S thường xuyên đi lên đồi thuộc địa phận xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (phía giáp hàng rào biên giới Việt - Trung) để tìm đào cây sim, rồi quay video đăng lên mạng Facebook rao bán kèm theo số điện thoại 0355.849.626.

Khoảng 11 giờ ngày 15-9-2023, Tàng Văn S nhận được cuộc gọi từ số 0345.707.306 của một người đàn ông không quen biết; qua nói chuyện, người đàn ông này thuê Tàng Văn S đón 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép tại khu vực cột mốc 1209 rồi đưa đến ngã ba gần khu du lịch sinh thái M, thuộc xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn sẽ có người đón và trả tiền công cho Tàng Văn S là 500 Nhân dân tệ/01 khách; Tàng Văn S đồng ý.

Khoảng 12 giờ cùng ngày 15-9-2023, Tàng Văn S điện thoại qua Zalo rủ Tàng Văn K cùng tham gia chở người nhập cảnh trái phép; Tàng Văn S cho Tàng Văn K biết tiền công là 500 Nhân dân tệ/01 khách và sẽ rủ Dương Văn M cùng tham gia để đi “trông đường”; sau khi trả cho Dương Văn M 200.000 đồng đến 300.000 đồng tiền công, số tiền còn lại thì Tàng Văn S và Tàng Văn K chia nhau; Tàng Văn K đồng ý.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, Tàng Văn S gọi điện qua Zalo thông báo cho Dương Văn M biết có 02 khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép, Tàng Văn S và Tàng Văn K sẽ trực tiếp lên mốc 1209 đón, còn Dương Văn M đợi ở đập B; khi đưa được khách về đến đập B thì Dương Văn M sẽ đi trước để “trông đường”, thấy có Bộ đội Biên phòng, Công an hoặc người lạ thì báo cho Tàng Văn S và Tàng Văn K biết; sau khi xong việc sẽ trả cho Dương Văn M 200.000 đồng đến 300.000 đồng tiền công; Dương Văn M đồng ý.

Sau đó, Tàng Văn K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12D1-142.93, Tàng Văn S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12D1- 268.30 cùng đến đập B và gặp Dương Văn M ở đó. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Tàng Văn S và Tàng Văn K mỗi người đi 01 xe mô tô di chuyển đến khu vực cột mốc 1209; khi cách cột mốc 1209 khoảng 01km thì để xe ở cạnh đường rồi cùng đi bộ lên cột mốc 1209. Khi đang đi, Tàng Văn S nhận được điện thoại từ số 0345.707.306 thông báo khách đang lên đến gần cột mốc 1209. Khi đi đến cột mốc 1209 nhưng chưa thấy khách, Tàng Văn S lấy điện thoại của Tàng Văn K gọi vào số điện thoại 0345.707.306 để hỏi thì được hướng dẫn đi xuống phía dưới cách mốc 1209 khoảng 100m để đợi (nhằm tránh camera của Trung Quốc). Khoảng 18 giờ 30 phút, khi thấy có giọng nói và ánh lửa thuốc lá phía khu vực cột mốc, Tàng Văn S và Tàng Văn K đi đến thì gặp 02 người đàn ông Trung Quốc đang đứng gần hàng rào biên giới phía bên Trung Quốc. Sau khi Tàng Văn S hỏi và biết được đúng người cần sang Việt Nam; Tàng Văn S ra hiệu cho 02 người Trung Quốc chui qua hàng rào để sang Việt Nam rồi dẫn đi bộ đến chỗ để xe mô tô, đồng thời gọi điện báo cho người đàn ông có số 0345.707.306 và Dương Văn M biết.

Tàng Văn S và Tàng Văn K mỗi người chở 01 người nhập cảnh trái phép đến đập B. Tàng Văn S cho Dương Văn M biết sẽ đưa khách đi theo đường qua xã M và C của huyện C, tỉnh Lạng Sơn đến ngã ba gần khu du lịch sinh thái M, thuộc xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; Dương Văn M đi trước để “trông đường”; hẹn gặp nhau tại ngã ba đường rẽ lên xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 16-9-2023, khi cả ba đưa 02 người Trung Quốc đến địa phận thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thì bị Công an bắt quả tang.

Bản Cáo trạng số 16/CT-VKSLS-P2 ngày 22-01-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Tàng Văn S, Tàng Văn K và Dương Văn M về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung Cáo trạng truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Triệu A M đề nghị trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12D1-268.30 cho chị, do tiền mua xe là của chị nhưng do chưa có bằng lái xe nên để chồng là Tàng Văn S đứng tên trên đăng ký xe.

Bà Nông Thị H đề nghị được trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12D1-142.93 và chiếc điện thoại Realme thu giữ của bị cáo Tàng Văn K vì bà là người bỏ tiền ra mua những tài sản nói trên.

Chị Linh Thị X đề nghị được trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12D1 - 271.09 vì chị là người bỏ tiền mua xe, nhưng do chị chưa đi xe thành thạo nên đã để cho chồng là Dương Văn M đứng tên trên giấy tờ xe.

Tại Cơ quan điều tra, anh Linh Văn T đề nghị được trả lại chiếc điện thoại Nokia thu giữ của bị cáo Dương Văn M, do bị cáo mượn anh chiếc điện thoại nói trên và anh không biết việc bị cáo Dương Văn M sử dụng điện thoại vào việc phạm tội. Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của anh Linh Văn T trình bày: Do điện thoại sạc không vào điện nên Linh Văn T không sử dụng, Dương Văn M mang đi sửa nhưng không trả lại và ông bà không có ý kiến gì về chiếc điện thoại này.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Tàng Văn S, Tàng Văn K và Dương Văn M phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Tàng Văn S từ 24 tháng đến 27 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Tàng Văn K và bị cáo Dương Văn M. Xử phạt bị cáo Tàng Văn K từ 21 tháng đến 24 tháng tù; xử phạt bị cáo Dương Văn M từ 18 tháng đến 21 tháng tù.

Không áp dụng biện pháp tư pháp và hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng đã thu giữ: Các bị cáo là người đứng tên đăng ký xe mô tô và sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội. Vì vậy, đề nghị tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước 03 xe mô tô đã thu giữ. Đối với 03 chiếc điện

thoại di động mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội: Không có căn cứ xác định bị cáo Dương Văn M mượn điện thoại của anh Linh Văn T. Đề nghị tịch thu tiêu hủy chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo Dương Văn M và bị cáo Tăng Văn S do đã bị nứt vỡ màn hình; tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước đối với điện thoại thu giữ của bị cáo Tăng Văn K. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Tăng Văn K trình bày: Bị cáo Tăng Văn K có vai trò thấp hơn bị cáo Tăng Văn S và không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo đã được xóa tiền sự nên được coi là chưa bị xử phạt hành chính. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù cũng đủ để răn đe, giáo dục và phòng chống tội phạm. Đề nghị miễn tiền án phí sơ thẩm cho bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn M trình bày: Bị cáo Dương Văn M là người có vai trò thấp nhất trong vụ án, bị cáo không trực tiếp đón, chở người nhập cảnh trái phép; năm 2020 bị cáo có kết quả xét nghiệm của Phòng khám Đa khoa quốc tế N xác định bị cáo bị loạn thần cấp do uống nhiều rượu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo; xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt và miễn tiền án phí sơ thẩm cho bị cáo. Đối với xe mô tô biển kiểm soát 12D1-271.09 là tài sản của chị Linh Thị X (vợ bị cáo), do chị Linh Thị X là người bỏ tiền ra mua, bị cáo không có đóng góp gì và chiếc điện thoại Nokia thu giữ của bị cáo là do bị cáo mượn của anh Linh Văn T. Vì vậy, đề nghị trả lại xe mô tô và điện thoại di động nói trên cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Mặc dù người bào chữa cho bị cáo Tăng Văn K vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ bào chữa; anh Linh Văn T vắng mặt nhưng có người đại diện theo pháp luật của anh Linh Văn T có mặt. Vì vậy, việc vắng mặt của những người nói trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 291, 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có tên nói trên.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Vì mục đích vụ lợi, ngày 15 và 16-9-2023 các bị cáo Tàng Văn S, Tàng Văn K và Dương Văn M có hành vi tổ chức cho 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, khi đang di chuyển chở khách vào sâu lãnh thổ Việt Nam thì bị phát hiện bắt quả tang. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Tàng Văn S, Tàng Văn K và Dương Văn M phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi mà vẫn cố ý thực hiện.

[5] Đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, để cá thể hóa hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, đánh giá nhân thân, vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với từng bị cáo để xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà từng bị cáo đã gây ra.

[6] Về vai trò: Bị cáo Tàng Văn S giữ vai trò chính, là người tiếp nhận thông tin từ người có nhu cầu nhập cảnh trái phép, rủ Tàng Văn K và Dương Văn M cùng tham gia. Bị cáo Tàng Văn K và Dương Văn M là đồng phạm giúp sức cho Tàng Văn S, trong đó bị cáo Tàng Văn K trực tiếp cùng bị cáo Tàng Văn S đón, chở những người nhập cảnh trái phép, bị cáo Dương Văn M là người có vai trò thấp nhất.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo Tàng Văn S và Dương Văn M là người có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Riêng bị cáo Tàng Văn K, ngày 23-6-2021 bị cáo bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn áp dụng Biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã phường với thời hạn 03 tháng (do nghiện ma túy). Theo quy định tại Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính, thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính là 02 năm kể từ ngày chấp hành xong Quyết định áp dụng Biện pháp xử lý hành chính. Ngày 23-9-2021, bị cáo đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Vì vậy, tính đến thời điểm phạm tội (ngày 16-9-2023) bị cáo Tàng Văn K chưa được xóa tiền sự này nên bị cáo là người có nhân thân xấu.

[8] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Tàng Văn S, Tàng Văn K và Dương Văn M đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử cả 03 bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại

điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Tàng Văn K có ông ngoại là ông Nông Văn T được tặng thưởng Huân chương kháng chiến và có ông nội là ông Tàng Văn C đã có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến; gia đình bị cáo Tàng Văn K thuộc hộ nghèo; bị cáo Dương Văn M là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, bị cáo Tàng Văn K và bị cáo Dương Văn M còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Kết quả xét nghiệm của Phòng khám Đa khoa Quốc Tế N không phải là cơ sở pháp lý để áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Dương Văn M.

[9] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Việc áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Dương Văn M là không đảm bảo đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm và phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện các bị cáo không có tài sản riêng, có bị cáo thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về biện pháp tư pháp: Do các bị cáo đều chưa nhận được tiền công nên áp dụng biện pháp tư pháp đối với các bị cáo.

[12] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không có căn cứ chứng minh việc anh Linh Văn T cho bị cáo Dương Văn M mượn điện thoại. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của anh Linh Văn T về việc trả lại chiếc điện thoại Nokia. Do 03 chiếc điện thoại di động mà Cơ quan chức năng đã thu giữ của cả 03 bị cáo đều liên quan đến hành vi phạm tội, vì vậy cần tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước. Đối với 03 chiếc xe mô tô đã thu giữ: Theo quy định của pháp luật, xe mô tô là tài sản phải được đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và chủ sở hữu tài sản là người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe. Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bị cáo Tàng Văn S là chủ sở hữu đứng tên đăng ký xe mô tô Biển kiểm soát 12D1-268.30; bị cáo Tàng Văn K là chủ sở hữu đứng tên đăng ký đối với xe mô tô Biển kiểm soát 12D1-142.93; bị cáo Dương Văn M là chủ sở hữu đứng tên đăng ký đối với xe mô tô Biển kiểm soát 12D1-297.09. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Triệu A M, bà Nông Thị H và chị Linh Thị X về việc trả lại xe mô tô. Do các bị cáo đã sử dụng xe mô tô nói trên làm phương tiện phạm tội, vì vậy cần tịch thu, hóa giá sung Ngân sách Nhà nước.

[13] Đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0345.707.306 gọi điện thuê bị cáo Tàng Văn S đón khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép: Do bị cáo Tàng Văn S không biết tên, địa chỉ, chưa gặp trực tiếp lần nào nên Cơ quan điều tra không thể xác minh làm rõ. Kết quả thu thập thông tin từ tập đoàn Viễn

thông quân đội V, số điện thoại 0345.707.306 đứng tên chủ thuê bao là Lê Hồng L, sinh năm 1958, địa chỉ tại xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Anh Lê Hồng L khai không được sử dụng số điện thoại 0345.707.306, không đăng ký và cũng không cho người khác mượn giấy tờ tùy thân để đăng ký sử dụng số điện thoại 0345.707.306. Lời khai của anh Lê Hồng L phù hợp lời khai của chị Thái Thị H (vợ của Lê Hồng L). Do vậy, không có căn cứ chứng minh Lê Hồng L có liên quan đến vụ án.

[14] Căn cứ kết quả kiểm tra cuộc gọi đi, gọi đến của số điện thoại 0345.707.306. Cơ quan điều tra tiến hành điều tra, xác minh các số 0349.347.666; 0382.527.191 và 0787.484.059 là những số thuê bao thường hay liên lạc với số điện thoại 0345.707.306; kết quả như sau:

[14.1] Số điện thoại 0349.347.666 do anh Mông Văn T, sinh năm 1997, trú tại thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn sử dụng. Từ năm 2021, anh Mông Văn T làm nghề chạy xe taxi dịch vụ và có đăng số điện thoại lên các trang mạng xã hội. Ngày 15-9-2023, anh Mông Văn T nhận được cuộc gọi từ số 0345.707.306 của một người đàn ông (không biết tên, địa chỉ) thuê tới cùng ngày đến khu du lịch sinh thái M, xã M, huyện L đón khách đưa về thành phố Hà Nội. Nhưng do đang chở khách đi thành phố Hà Nội nên anh Mông Văn T đã từ chối. Do anh Mông Văn T không biết thông tin cụ thể nên không xác định được thông tin của người đàn ông sử dụng số điện thoại 0345.707.306 và không biết việc người này thuê đến khu du lịch sinh thái M đón khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép nên Mông Văn T không liên quan đến vụ án.

[14.2] Số điện thoại 0382.527.191 do anh Lộc Văn T, sinh năm 1991, trú tại thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn sử dụng. Anh Lộc Văn T khai: Khoảng năm 2014, trong một lần đi anh Lộc Văn T gặp một người đàn ông tự giới thiệu tên C nhà ở huyện L, tỉnh Lạng Sơn (không giới thiệu họ, địa chỉ cụ thể) và cho nhau số điện thoại. Khoảng năm 2017, Lộc Văn T mất máy điện thoại nên mất hết các số điện thoại đã lưu trước đó. Tháng 7 đến tháng 9-2023 có một vài cuộc gọi từ số điện thoại 0345.707.306 gọi cho Lộc Văn T hỏi hiện nay tại khu vực biên giới xã T, huyện C có thể vận chuyển được hàng hóa qua lại giữa Việt Nam và Trung Quốc không, ngoài ra không trao đổi gì khác và không cho biết thêm thông tin gì về C. Tiến hành cho Lộc Văn T nhận dạng ảnh đối với Lê Hồng L; Lộc Văn T xác định ảnh Lê Hồng L không phải là C mà Lộc Văn T đã gặp vào năm 2014. Do Lộc Văn T không biết được thông tin cụ thể của người sử dụng số điện thoại 0345.707.306 nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

[14.3] Số 0787.484.059 do Tạ Xuân T, sinh năm 1981, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam đứng tên chủ thuê bao. Anh Tạ Xuân T cho biết: Từ trước đến nay không được sử dụng số điện thoại 0787.484.059, không đăng ký hoặc cho người khác mượn giấy tờ tùy thân để đăng ký sử dụng số điện thoại 0787.484.059. Do vậy, không xác định được người sử dụng số điện thoại 0345.707.306 và không có căn cứ chứng minh Tạ Xuân T liên quan vụ án.

[15] Đối với các công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam là Phương Chí L, Dương Quang K đã bị Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. Theo Dương Quang K và Phương Chí L, “A N” là người đã môi giới cho các anh nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và có 02 người đàn ông đã đón Dương Quang K và Phương Chí L tại Trấn A, Trung Quốc đưa đến khu vực biên giới: Do Dương Quang K và Phương Chí L khai không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của những người nói trên nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

[16] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và của người bào chữa cho bị cáo; ý kiến nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, ý kiến nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[17] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo Tàng Văn K thuộc hộ nghèo, bị cáo Dương Văn M là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; các bị cáo có đơn đề nghị miễn án phí. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tàng Văn K và bị cáo Dương Văn M. Bị cáo Tàng Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[18] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Tàng Văn S.

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Tàng Văn K, Dương Văn M.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106, khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 291, Điều 292, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Tàng Văn S, Tàng Văn K và Dương Văn M phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Tàng Văn S 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 16-9-2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Tàng Văn K 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 16-9-2023.

2.3. Xử phạt bị cáo Dương Văn M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 16-9-2023.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước đối với:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME vỏ màu xanh, màn hình bị nứt vỡ, cũ, đã qua sử dụng; có số IMEI1: 869150055024874/01; IMEI2: 869150055024866/01, bên trong lắp 01 sim mạng Viettel; thu giữ của Tàng Văn S.

- 01 điện thoại nhãn hiệu REALME vỏ màu đen, cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 863597068131912; IMEI2: 863597068131904, bên trong lắp 02 sim mạng Viettel; thu giữ của Tàng Văn K.

- Một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đen, màn hình bị nứt vỡ, cũ, đã qua sử dụng. Số IMEI: 352921101047661/77; IME2: 352921101063213/77; thu giữ của Dương Văn M.

- Một xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: JA391 WAVE, màu sơn: xanh đen bạc, dung tích xi lanh: 109.1cm^3 , số chỗ ngồi: 02, năm sản xuất: 2019, biển kiểm soát: 12D1-268.30; số khung: RLHJA3913KY251632; số máy: JA39E1112359; thu giữ của Tàng Văn S; xe cũ đã qua sử dụng (không thu được giấy đăng ký xe khi bắt giữ).

- Một xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: HC121WAVE, màu sơn: trắng đen bạc, dung tích xi lanh: 97cm^3 , số chỗ ngồi: 02, năm sản xuất: 2014, biển kiểm soát: 12D1-142.93, số khung: RLHHC1215DY494305; số máy: HC12E5494382, xe cũ đã qua sử dụng kèm theo Một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 001151 mang tên Tàng Văn K, biển số đăng ký 12D1-142.93 do phòng CSGT Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 03-3-2015.

- Một xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại JA391 WAVE, màu sơn trắng đen bạc, dung tích xi lanh: 109.1cm^3 , số chỗ ngồi: 02, năm sản xuất: 2019, biển kiểm soát: 12D1-271.09. Số khung: RLHJA3914KY220986; số máy: JA39E1079115; thu giữ của Dương Văn M; xe cũ đã qua sử dụng (không thu được giấy đăng ký xe khi bắt giữ).

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 23 tháng 01 năm 2024).

4. Về án phí:

Các bị cáo Tàng Văn K, Dương Văn M được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Tàng Văn S phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06, PA 09 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thùy

